

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI C/O FORM A

C/O phải sử dụng đúng form; phải kê khai hoàn chỉnh đúng quy định, đúng ô, sạch, rõ, không tẩy xóa. Các loại form C/O được kê khai như sau :

Kê khai VIETNAM tiếp sau Issued in (dưới dòng tiêu đề FORM A)

Ô 1: kê khai tên, địa chỉ, nước của người xuất khẩu Việt Nam

Ô 2: kê khai tên, địa chỉ, nước của người nhận hàng. Trường hợp nhận hàng theo chỉ định sẽ được khai báo là TO ORDER hoặc TO ORDER OF <người ra chỉ định>, thống nhất với vận đơn và các chứng từ giao nhận hợp lệ khác.

Ô 3: kê khai về vận tải (càng chi tiết càng tốt) như hình thức vận chuyển, tên phương tiện vận chuyển, số và ký hiệu chuyến, hành trình (cửa khẩu xuất hàng, cửa khẩu nhận hàng cuối cùng), số và ngày vận đơn,. Ví dụ:

BY SEA : BACH DANG V.03

FROM : HOCHIMINH CITY TO : HAMBOURG

B/L No. : 1234 DATED : APRIL 10, 2004

Lưu ý : cửa khẩu nhận hàng cuối cùng trên ô 3 và người nhận hàng (đích danh) trên ô 2 phải cùng một nước nhập (ô 12).

Ô 4: Ghi chú của cơ quan cấp C/O. Thường có các ghi chú sau :

- C/O cấp sau ngày xuất hàng : đóng dấu thông báo ISSUED RETROSPECTIVELY
- Cấp phó bản do bị mất bản chính : THE ORIGINAL OF C/O No. <số C/O> DATED <ngày cấp> WAS LOST, đồng thời đóng dấu DUPLICATE trên tờ C/O phó bản.
- Cấp thay thế C/O cho trường hợp cấp lại C/O (toàn bộ hoặc một phần) nhưng chưa trả C/O cũ : REPLACEMENT C/O No. <số C/O bị thay thế> DATED <ngày cấp> <FOR mô tả phần được thay thế>.

Ngoài ra còn có các ghi chú khác như thông báo hàng xuất sang các nước ASEAN để sản xuất hoặc/và xuất tiếp sang các nước EU, Norway, Turkey; dấu cộng gộp ASEAN, EU, Switzerland, Norway, Turkey,... Hàng xuất sang Japan chỉ đáp ứng quy định xuất xứ GSP cộng gộp ASEAN kê khai trên ô 4 chữ C-ASEAN tiếp theo là số và ngày giấy chứng nhận sản xuất, gia công cộng gộp khu vực.

Ô 5: Kê khai số thứ tự các mặt hàng khai báo.

Ô 6: Kê khai nhãn và số hiệu thùng hàng (nếu có).

Ô 7: - Kê khai số và loại của thùng hàng (nếu có); tên và mô tả hàng

- Ghi rõ số, ngày tờ khai hải quan hàng xuất (nếu đã có) trên ô 6 : CUSTOMS DECLARATION FOR EXPORT COMMODITIES No. <số đầy đủ của tờ khai hải quan hàng xuất> DATED <ngày tờ khai hải quan hàng xuất>. Trường hợp người

khai báo hải quan và người gửi hàng khác nhau phải ghi rõ thêm về người khai báo: *DECLARED BY* <người khai báo>.

- Ghi rõ số, ngày giấy phép xuất khẩu (nếu có) trên ô 6 : *EXPORT LICENCE No.* <số đầy đủ của giấy phép xuất khẩu> *DATED* <ngày giấy phép xuất khẩu >

* *Lưu ý* : - kê khai số container, số niêm chì (*cont./seal No. ..*) nếu đã xác định.

- kê khai tên cụ thể và mô tả rõ về hàng hóa. Không được khai sai, hoặc khai không rõ về hàng hóa như *GENERAL MERCHANDISE* (hàng tổng hợp), . *AND OTHER GOODS* (..và các hàng khác), v.v.

Ô 8: Kê khai tiêu chuẩn xuất xứ của hàng hóa. Cụ thể: Hàng xuất sang Australia và New Zealand bỏ trống. Xuất sang các nước khác :

+ Hàng có xuất xứ thuần túy Việt Nam kê khai chữ "P"

+ Hàng có xuất xứ không thuần túy Việt Nam : kê khai theo hướng dẫn tại mục III.(b) phía sau tờ form A bản chính. Chú ý : hàng xuất sang Canada được sản xuất từ hơn 1 nước được hưởng ưu đãi GSP của Canada (hay hàng xuất khẩu chỉ đáp ứng quy định xuất xứ GSP cộng gộp toàn cầu của Canada) kê khai chữ "G" trên ô 8, trường hợp khác kê khai chữ "F".

Ô 9: Kê khai trọng lượng thô hoặc số lượng khác của hàng hóa.

* *Lưu ý* :

+ Ô 5,7,8,9 phải khai thẳng hàng thứ tự, tên, tiêu chuẩn xuất xứ, trọng lượng thô (hoặc số lượng khác) của mỗi loại hàng. Trường hợp mỗi loại hàng được đóng gói và có ký, mã hiệu riêng thì nội dung khai báo trên ô 6 cũng phải thẳng hàng tương ứng.

+ Trường hợp tên hàng và mô tả nhiều có thể khai báo sang trang tiếp, mỗi trang khai báo rõ số thứ tự trang ở góc dưới ô 7 (Ví dụ : Page 1/3).

+ Gạch ngang trên ô 5,6,7,8,9 khi kết thúc khai báo tên, mô tả hàng; trọng lượng thô (hoặc số lượng khác), sau đó ghi rõ tổng trọng lượng (hoặc số lượng) của cả lô hàng bằng số (TOTAL) và bằng chữ (SAY TOTAL).

Ô 10: kê khai số và ngày của hóa đơn. Trường hợp hàng xuất không có hóa đơn phải ghi rõ lý do.

Ô 11: kê khai địa điểm, ngày phát hành C/O.

* *Lưu ý* ngày nộp C/O và quy định về thời gian cấp C/O để kê khai chính xác ngày phát hành C/O. Không ghi ngày phát hành C/O là ngày nghỉ làm việc theo quy định, hoặc ngày xuất hàng, hoặc ngày khác nếu thực tế ngày phát hành C/O không phải ngày này.

* Trừ trường hợp tháng được khai bằng chữ (April, May,..), ngày khai thống nhất theo dạng dd/mm/yyyy.

* Ngày phát hành C/O bằng hoặc sau ngày các chứng từ đã được khai báo trên C/O như Invoice, tờ khai hải quan hàng xuất, giấy phép xuất khẩu,.

Ô 12: Kê khai nước xuất xứ của hàng hóa (VIETNAM) tiếp sau produced in. Trường hợp C/O form A được cấp theo quy định xuất xứ GSP cộng gộp nguyên liệu khu vực ASEAN (*quy định của EU, Switzerland, Norway, Turkey*), sẽ kê khai nước xuất xứ xác định theo quy định này.

Kê khai nước nhập khẩu phía trên dòng (*importing country*).

Kê khai địa điểm, ngày ký và ký tên của người ký có thẩm quyền (*của người xuất khẩu Việt Nam*). *Lưu ý : Ngày ký của người xuất khẩu phải trước hoặc bằng ngày phát hành C/O, và phải bằng hoặc sau ngày các chứng từ khác đã được kê khai trên C/O. Đối với các doanh nghiệp người ký có thẩm quyền authorised signatory là thủ trưởng hoặc người được thủ trưởng ủy quyền ký. Chữ ký phải được ký bằng tay, và được đóng dấu rõ chức danh, dấu doanh nghiệp, và dấu tên.*